

BÁO CÁO
Tài chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 8.

Căn cứ Luật Kế toán năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN); Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập báo cáo tài chính nhà nước;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình tài chính Nhà nước và kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2023, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước, từ năm 2019 hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN) có trách nhiệm tổng hợp, lập BCTCNN toàn quốc và BCTCNN tỉnh trực thuộc trung ương, cụ thể:

- Tại Điều 30 Luật Kế toán 2015 quy định: “Việc lập báo cáo tài chính nhà nước được thực hiện như sau:

a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính thuộc phạm vi địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Báo cáo tài chính nhà nước được lập và trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng với thời điểm quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước...”

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Báo cáo tài chính nhà nước năm 2023 được tổng hợp trên cơ sở báo cáo cung cấp thông tin tài chính của 638/638 đơn vị trên địa bàn tỉnh Kon Tum và thực hiện theo Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn BCTCNN; Thông tư số 39/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018:

- Đối với thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng: do Sở, ban, ngành địa phương trực tiếp cung cấp thông tin tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý; Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin tài sản kết cấu hạ tầng thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý cho KBNN quản lý thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn;

- Đối với thông tin thuyết minh tài sản cố định của đơn vị: do đơn vị dự toán cấp I, Ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm cung cấp cho KBNN quản lý thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thông tin;

- Đối với tài sản cố định đặc thù (*là các tài sản cố định không xác định được chi phí hình thành hoặc không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật như: cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, lăng tẩm, di tích lịch sử - văn hóa*): Do Sở, ban, ngành địa phương sẽ trực tiếp cung cấp thông tin tài sản cố định đặc thù được giao quản lý, sử dụng (nếu có); Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin tài sản cố định đặc thù thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý, sử dụng (nếu có) cung cấp thông tin;

- Đối với nợ công: Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin nợ chính quyền địa phương cho KBNN tỉnh để thực hiện tổng hợp BCTCNN.

PHẦN THỨ HAI TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH KON TUM NĂM 2023

I. VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Tổng tài sản của Nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 76.521 tỷ đồng được hình thành từ nguồn vốn của Nhà nước là 75.648 tỷ đồng và nợ phải trả là 873 tỷ đồng, chi tiết như sau:

1. *Về tài sản*: Tổng tài sản của Nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 76.521 tỷ đồng, tăng 15,7% tương đương 12.011 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022¹, trong đó:

⁽¹⁾ Do các nguyên nhân sau: Tài sản cố định hữu hình (giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao, hao mòn) là 59.458 tỷ đồng, tăng 15% tương đương 8.934 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó: Tài sản kết cấu hạ tầng là 55.313 tỷ đồng (Bao gồm kết cấu hạ tầng đường bộ; hạ tầng nước của tỉnh và huyện như sau: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 106,6 tỷ đồng; Sở Giao thông và Vận tải: 12.936 tỷ đồng; Thành phố Kon Tum: 7.698 tỷ đồng; huyện Đăk Glei: 3.682 tỷ đồng; huyện Kon Plong: 18.461 tỷ đồng; huyện Tu Mơ Rông: 2.396 tỷ đồng;

a) Tài sản ngắn hạn: 7.320 tỷ đồng tăng 20,4% tương đương 1.493 tỷ đồng so với năm 2022, gồm: Tiền tại quỹ ngân sách nhà nước và các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 6.089 tỷ đồng; Các khoản phải thu của Nhà nước (gồm phải thu thuế nội địa, xuất nhập khẩu, phải thu của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc khu vực Nhà nước) 1.137 tỷ đồng; Hàng tồn kho gồm hàng hóa thuốc của bệnh viện; hóa chất, vắc xin để phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh 93 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn khác 717 triệu đồng.

b) Tài sản dài hạn 69.201 tỷ đồng tăng 15,2% tương đương 10.518 tỷ đồng so với năm 2022, gồm: Đầu tư tài chính của Nhà nước (*Vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính địa phương quản lý*) là 412 tỷ đồng; Xây dựng cơ bản dở dang tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 1.501 tỷ đồng;

2. *Về nợ phải trả*: Tổng công nợ của địa phương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 873 tỷ đồng (*chiếm 1,27 % tổng tài sản của Nhà nước*), tăng 3,78% tương đương 33 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cơ cấu gồm: Nợ phải trả của khu vực hành chính sự nghiệp (*đơn vị đi vay, nợ phải trả nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ là đơn vị bên ngoài khu vực Nhà nước*) là 718,4 tỷ đồng; Nợ của chính quyền địa phương là 78,2 tỷ đồng; Các khoản phải trả dài hạn khác là 76,4 tỷ đồng,

3. *Về nguồn vốn của Nhà nước*: Tổng nguồn vốn của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2023 là 75.648 tỷ đồng, tăng 15,83% tương đương 11.978 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, gồm: Nguồn vốn hình thành tài sản (*giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước và nguồn vốn kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công lập...*) 19.955 tỷ đồng; Thặng dư lũy kế (*kết quả hoạt động thu chi tài chính, ngân sách được hình thành, tích lũy qua các năm và chưa được phân bổ cho các chỉ tiêu nguồn vốn khác*) là 55.336 tỷ đồng; Nguồn vốn khác là 357 tỷ đồng.

II. VỀ THU, CHI VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA NHÀ NƯỚC

1. Tổng thu của Nhà nước năm 2023 là 10.689 tỷ đồng, tăng 6,83% tương đương 730 tỷ đồng so với năm 2022 bao gồm: Thu phát sinh trong năm của NSNN là: 9.820 tỷ đồng, chiếm 91,87% tổng thu của Nhà nước; các khoản thu phát sinh trong năm không thuộc NSNN là 868 tỷ đồng, chiếm 8,13% tổng thu của Nhà nước; Thu nhập của Nhà nước không thuộc NSNN là 868 tỷ đồng, tăng 19,12% tương đương 166 tỷ đồng so với năm 2022.

2. Tổng chi của Nhà nước là 9.587 tỷ đồng, tăng 19,36% tương đương 1.856 tỷ đồng so với năm 2022, bao gồm: chi từ nguồn NSNN là 8.545 tỷ đồng,

huyện Đăk Hà: 1.077 tỷ đồng; huyện Ia H'Drai: 1.219 tỷ đồng; huyện Kon Rẫy: 1.100 tỷ đồng; huyện Sa Thầy: 2.656 tỷ đồng; huyện Đăk Tô: 2.383 tỷ đồng; huyện Ngọc Hồi: 1.598 tỷ đồng) và bất động sản nhà của thiết bị: 4.146 tỷ đồng;

- Tài sản vô hình là 7.830 tỷ đồng, tăng 16,52% so với thời điểm 31/12/2022 (*là 6.536 tỷ đồng*) tương đương 1.294 tỷ đồng do các đơn vị dự toán cấp 1 toàn tỉnh, đã từng bước cập nhật và phản ánh giá trị tài sản của đơn vị, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm một cách đầy đủ hơn.

- Tài sản dài hạn khác: 0 tỷ đồng giảm 100% tương đương 1,948 tỷ đồng.

chiếm 89,13% tổng chi của Nhà nước; chi từ nguồn ngoài NSNN là 1.042 tỷ đồng, chiếm 10,87% tổng chi của Nhà nước.

3. *Về kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước:* Thặng dư tài chính của Nhà nước năm 2023 là 1.101 tỷ đồng; giảm 50,6% tương đương 1.128 tỷ đồng so với năm 2022, trong đó: Nhóm đơn vị sự nghiệp công lập đạt thặng dư là 1.275 tỷ đồng, giảm 994 tỷ đồng so với năm 2022 là 2.269 tỷ đồng; Nhóm ngoài ngân sách nhà nước thâm hụt là 174 tỷ đồng, giảm 134 tỷ đồng so với năm 2022 là 40 tỷ đồng.

III. VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh tình hình tiền thu vào, tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo của Nhà nước. Trong năm 2023, lưu chuyển tiền thuần là 1.164 tỷ đồng; trong đó:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu (*tổng số tiền thu vào trong năm 2023 sau khi trừ đi số tiền chi ra từ hoạt động chủ yếu gồm hoạt động thuế, phí và lệ phí; các khoản chi hoạt động, ...; ngoại trừ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính*) là 14.010 tỷ đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (*tổng số tiền chi mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định, tài sản dài hạn, cho vay, góp vốn và đầu tư sau khi trừ đi số tiền thu thanh lý, nhượng bán*) là 12.850 tỷ đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (*tổng số tiền thu từ các khoản đi vay, hoạt động tài chính trong năm 2023 sau khi trừ đi số tiền hoàn trả gốc vay và hoạt động tài chính khác*) là 3,623 tỷ đồng.

IV. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước trình bày các thông tin về kỳ báo cáo, đơn vị tiền tệ sử dụng để báo cáo, các chế độ kế toán hiện đang áp dụng, các nguyên tắc kế toán và thuyết minh, giải thích về các số liệu chi tiết, bổ sung cho 03 báo cáo nêu trên (*số liệu chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*).

V. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ CHUNG:

BCTCNN là một nghiệp vụ chuyên sâu phức tạp vì phải thực hiện tổng hợp nhiều chế độ kế toán khác nhau. Với việc hoàn thành BCTCNN có chất lượng năm sau cao hơn năm trước, đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

Thực hiện Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính tài sản kết cấu hạ tầng được cập nhật đầy đủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, nhiều chỉ tiêu chưa được phản ánh, theo dõi trên sổ kế toán, Thông tư 39/2021/TT-BTC đã giao trách nhiệm lại cho các đơn vị trực tiếp theo dõi để báo cáo phần tài sản này. Theo đó, các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản

công tại địa phương như các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã nâng cao được ý thức, trách nhiệm của mình, từ đó có sự quan tâm hạch toán đầy đủ vào bộ sổ kế toán, chủ động trong công tác tổng hợp và báo cáo tài sản hàng năm theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Bên cạnh thuận lợi, việc nâng cấp phần mềm, tính khấu hao cho tài sản hạ tầng vẫn còn sai sót, Ủy ban nhân dân các huyện vẫn chưa chủ động rà soát số liệu hạ tầng giao thông và hạ tầng nước sạch với các sở, ngành có liên quan, dẫn đến Kho bạc Nhà nước Kon Tum phải đối chiếu, rà soát, điều chỉnh số liệu hạ tầng. Đặc biệt số lượng các trường học trên địa bàn huyện là đơn vị dự toán cấp I rất lớn đều phải thực hiện lập BCTCNN gửi trực tiếp đến Kho bạc Nhà nước. Vì vậy còn khó khăn trong việc lập và kiểm tra BCTCNN, nhất là phần tài sản tại đơn vị. Các đơn vị chưa quan tâm chỉ đạo sát việc cung cấp thông tin báo cáo theo quy định, nên chất lượng thông tin báo cáo còn hạn chế, đặc biệt một số chỉ tiêu không phát sinh tại các đơn vị, đơn vị vẫn còn nhầm lẫn như các chỉ tiêu: Tài sản ngắn hạn khác, hạch toán khấu hao quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp lần thứ 8 xem xét./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- VPUBND tỉnh: CVP, các PCVP (đ/b);
- Lưu: VT-KTTH.NTS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm